ĐÁNH GIÁ CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG TỚI ÁP DỤNG MÔ HÌNH CHI PHÍ THEO HOẠT ĐỘNG (ABC) TRONG CÁC DOANH NGHIỆP DỆT MAY VIỆT NAM HIỆN NAY

TS. Nguyễn Thanh Trang* - TS. Lê Hồng Nhung* - ThS. Vũ Thị Việt Thanh*
ThS. Phan Thị Hồng Thắm*

Mô hình xác định chi phí theo hoạt động (ABC) là một công cụ hữu ích để giúp các doanh nghiệp dệt may Việt Nam (DNDMVN) nâng cao hiệu quả hoạt động, đáp ứng tiêu chí xanh hóa - số hóa và tăng cường khả năng cạnh tranh. Mô hình này chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố nên việc đánh giá các nhân tố là rất cần thiết. Bài viết này đưa ra đặc điểm mô hình ABC trong doanh nghiệp dệt may và đánh giá các nhân tố ảnh hưởng đến việc áp dụng mô hình này.

• Từ khóa: *đánh giá, chi phí theo hoạt động, áp dụng, doanh nghiệp dệt may, nhân tố ảnh hưởng.*

The Activity-Based Costing (ABC) model is a useful tool to help Vietnamese textile and garment enterprises (TMs) improve operational efficiency, meet greening and digitalization criteria, and enhance competitiveness. This model is influenced by many factors, making the evaluation of these factors essential. This article presents the characteristics of the ABC model in textile and garment enterprises and assesses the factors influencing its application.

• Key words: *evaluation, activity-based costing, application, textile and garment enterprises, influencing factors.*

Ngày nhận bài: 15/01/2026
Ngày gửi phản biện: 28/02/2026
Ngày duyệt đăng: 08/4/2026

DOI: https://doi.org/10.71374/jfarv.v26.i311.44

1. Giới thiệu

Theo báo cáo tổng kết năm 2025 của Hiệp hội Dệt may Việt Nam (VITAS), kim ngạch xuất khẩu dệt may dự kiến đạt 46 tỷ USD, tăng 5,6% so với năm 2024. Dệt may Việt Nam hiện thuộc top 10 ngành xuất khẩu (Cục Hải quan). Bên cạnh thành tựu về xuất khẩu, nhiều doanh nghiệp dệt may đã công bố báo cáo tài chính với kết quả kinh doanh khả quan. Cụ thể, Tập đoàn Dệt may Việt Nam (Vinatex) báo cáo doanh thu thuần đạt hơn 13.751 tỷ đồng trong 9 tháng đầu năm 2025, tăng 10% so với cùng kỳ năm ngoái, đạt 75% kế hoạch năm; lợi nhuận trước thuế ước tính đạt 1.040 tỷ đồng, vượt kế hoạch hơn 14%. Không chỉ Vinatex, nhiều doanh nghiệp khác cũng ghi nhận kết quả kinh doanh tích cực như Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại TNG ghi nhận doanh thu thuần gần 2.633 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế đạt 117 tỷ đồng, tăng lần lượt 11,6% và 5,3%. Công ty Cổ phần May Sông Hồng (MSH) đạt lợi nhuận sau thuế gần 201 tỷ đồng, tăng 54% so với cùng kỳ năm 2024. Đến năm 2030, với trọng tâm là phát triển bền vững, ngành dệt may Việt Nam sẽ là «xanh hóa và số hóa», nâng cao tỷ lệ nội địa hóa lên trên 60%, và xây dựng các thương hiệu thời trang mạnh. Ngành dệt may cũng đang chuyển mạnh sang các mô hình FOB (Free On Board) và ODM (Original Design Manufacturer). Hiện nay, khoảng 80% doanh nghiệp dệt may Việt Nam là doanh nghiệp vừa và nhỏ (SMEs) nên có nhiều hạn chế về vốn, kinh nghiệm quản lý. Thống kê từ VITAS cũng cho thấy các doanh nghiệp dệt may phần lớn đều đang gặp khó khăn trong việc đầu tư và ứng dụng công nghệ mới. Chỉ có 30% doanh nghiệp (bao gồm cả doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài và doanh nghiệp lớn trong nước) đã áp dụng tự động hóa vào từng khâu sản xuất như sử dụng máy may thông minh, hệ thống giám sát sản xuất tích hợp AI... theo hướng nhà máy thông minh và khoảng gần 5% trong số này có kế hoạch triển khai công nghệ tự động hóa kết nối toàn diện và ERP. Ngành dệt may cũng đang trải qua những thách thức đáng kể khác gồm: Sức mua giảm nhiều ở các thị trường lớn như Mỹ và EU , khách hàng quốc tế ngày càng khắt khe hơn, yêu cầu giá thấp, thời hạn giao hàng ngắn và tuân thủ

** Trường đại học Mở Hà Nội*

Bài viết được tài trợ bởi đề tài nghiên cứu khoa học MHN2026-NNC-01.08

các tiêu chuẩn xanh cũng như giảm phát thải CO2. Chi phí sản xuất tăng cao (chi phí nguyên liệu đầu vào tăng, chi phí logistics cao do biến động địa chính trị thế giới và bất ổn của giá dầu; tiền lương tăng làm giảm lợi thế về chi phí nhân công giá rẻ; phát sinh nhiều chi phí liên quan tới tuân thủ các tiêu chí đánh giá của các tổ chức khác nhau như Cơ chế điều chỉnh carbon biên giới (CBAM), các quy tắc xuất xứ nghiêm ngặt...)…Thêm vào đó, doanh nghiệp gặp tình trạng thiếu hụt nguồn nhân lực kỹ thuật cao và vấn đề về nhận thức cũng như chiến lược của các nhà quản lý cấp cao thiếu tính cụ thể. Những thách thức này làm giảm hiệu quả hoạt động và khả năng cạnh tranh của các doanh nghiệp dệt may Việt Nam. **Đ**ể ngành dệt may Việt Nam có đủ năng lực tiếp tục phát triển, hoàn thiện toàn bộ chuỗi cung ứng, tăng cường tự động hóa và sản xuất xanh, chuyển đổi số, hướng tới thương hiệu riêng và sản phẩm công nghệ cao, cần thực hiện các biện pháp cần thiết như nâng cấp cơ sở hạ tầng công nghệ, sử dụng công nghệ mới trong sản xuất, cải tiến quy trình công nghệ theo hướng sản xuất xanh, xây dựng quy trình sản xuất tuần hoàn, ứng dụng blockchain để truy xuất nguồn gốc, tối ưu hóa chi phí sản xuất.

Các mô hình tính chi phí truyền thống dựa trên phân bổ sản lượng đã mất đi tính chính xác, dẫn đến các quyết định về kiểm soát và quản lý chi phí không phù hợp. Mô hình tính chi phí dựa trên hoạt động (ABC) được coi là một cách để cải thiện việc thu thập, theo dõi và tính toán chi phí. ABC cũng giúp doanh nghiệp xác định hoạt động nào tạo ra giá trị và hoạt động nào không, từ đó cho phép cải tiến liên tục các quy trình kinh doanh để giảm chi phí, nâng cao khả năng đáp ứng nhu cầu của khách hàng về giá cả và tiêu chuẩn xanh, và cuối cùng là nâng cao khả năng cạnh tranh.

Vì vậy, áp dụng mô hình ABC được coi là một trong những giải pháp then chốt để giải quyết những thách thức mà các doanh nghiệp dệt may đang phải đối mặt. Đồng thời, việc *đánh giá ảnh hưởng của các nhân tố tới áp dụng mô hình ABC là hoàn toàn* cần thiết nhằm giúp các doanh nghiệp xác định các hướng đi đúng đắn trong việc thực hiện mô hình. Các tác giả tập trung nghiên cứu các vấn đề sau: đặc điểm của mô hình ABC trong các doanh nghiệp dệt may, đánh giá **các** nhân tố ảnh hưởng đến việc áp dụng các mô hình trong các doanh nghiệp dệt may Việt Nam nhằm giúp tìm kiếm các hướng phù hợp nâng cao hiệu quả áp dụng.

2. Nội dung

2.1. Cơ sở lý thuyết: lý thuyết về mô hình ABC, nghiên cứu về các nhân tố ảnh hưởng tới áp dụng mô hình ABC tại DNDMVN

Các mô hình ABC được áp dụng gồm mô hình ABC truyền thống, TDABC, ABC sử dụng ma trận EAD. Cooper và Kaplan (1988), Johnson và Kaplan (1987) đã khởi xướng việc sử dụng mô hình tính chi phí theo hoạt động để phân bổ chi phí gián tiếp cho các đối tượng chịu chi phí. ABC giúp các nhà quản lý đưa ra quyết định sáng suốt về cơ cấu sản phẩm và chiến lược cạnh tranh. Với đặc điểm của ngành công nghiệp dệt may Việt Nam hiện nay như đã nêu ở trên, mô hình này hoàn toàn phù hợp để ứng dụng. Bên cạnh mô hình ABC truyền thống, các tác giả cũng tham khảo mô hình ABC khác gồm: Mô hình TDABC theo Robert S. Kaplan (2005) đã giới thiệu Mô hình này đơn giản hơn và có chi phí triển khai thấp hơn so với mô hình ABC truyền thống nhưng yêu cầu thực hiện trong điều kiện ứng dụng ERP (hệ thống hoạch định nguồn lực). Tiếp theo, mô hình ABC sử dụng ma trận EAD theo Valentina Gecevska và Zoran Anisic (2006) đã giới thiệu. Mô hình ABC này là một mô hình khá hiệu quả và tiết kiệm chi phí, rất phù hợp cho phần lớn các doanh nghiệp dệt may Việt Nam hiện nay.

Các nghiên cứu tại Việt Nam và trên thế giới về nhân tố ảnh hưởng tới áp dụng mô hình ABC gồm: theo Baird và cộng sự (2004), việc áp dụng ABC bị ảnh hưởng bởi nhiều yếu tố, bao gồm cả yếu tố nội bộ và bên ngoài. Trong số đó, nhận thức và cam kết của ban lãnh đạo cấp cao đóng vai trò quyết định trong việc khởi xướng và duy trì việc áp dụng ABC, vì phương pháp này đòi hỏi sự thay đổi trong tư duy quản lý cũng như hệ thống thông tin kế toán. Theo Nguyễn Thị Minh Đức và các cộng sự (2022), để đáp ứng tốt hơn nhu cầu thị trường và nâng cao khả năng cạnh tranh, các doanh nghiệp dệt may cần sử dụng các công cụ quản lý hiệu quả. Khả năng tính toán chính xác chi phí sản phẩm của các doanh nghiệp dệt may Việt Nam sẽ giúp họ thực hiện các biện pháp kiểm soát chi phí hiệu quả, từ đó gia tăng lợi nhuận. Vì vậy, việc áp dụng mô hình ABC trong các doanh nghiệp dệt may Việt Nam là cần thiết để đưa ra các quyết định đúng đắn và kịp thời.

2.2. Đặc điểm của mô hình ABC áp dụng tại các doanh nghiệp dệt may Việt Nam

Thứ nhất, hoạt động tại từng nhà máy/ xưởng may/ dây chuyền công nghệ được coi là trung tâm để tập hợp chi phí.

Thứ hai, phân bổ chi phí chủ yếu theo doanh thu/ sản lượng để nhằm tăng độ chính xác hơn.

Thứ ba, tìm kiếm và loại trừ các hoạt động không gia tăng thêm giá trị (non-value-added activities) cho đơn hàng/ sản phẩm dệt may.

Thứ tư, áp dụng ABC trong DNDMVN có hệ thống máy móc tích hợp công nghệ hiện đại như hệ thống máy may tích hợp AI, hệ thống giám sát sản xuất thông minh, thu thập dữ liệu theo thời gian thực…

Thứ năm, chi phí quản lý khá lớn khi áp dụng ABC.

Thứ sáu, các loại mô hình ABC trong các doanh nghiệp dệt may Việt Nam:

Theo mô hình ABC truyền thống, các doanh nghiệp cần đáp ứng các điều kiện sau: doanh nghiệp phải có tỷ lệ chi phí gián tiếp lớn trong tổng chi phí của mình. Doanh nghiệp có quy mô lớn với nguồn lực dồi dào, quy trình sản xuất chuyên nghiệp, hệ thống quản lý rõ ràng và đội ngũ kế toán quản lý trình độ cao, quy trình sản xuất hiện đại, chuyên nghiệp mới có thể đáp ứng được yêu cầu về dữ liệu và chi phí triển khai. Trên cơ sở các điều kiện nêu trên, các DNDMVN có thể áp dụng mô hình ABC truyền thống, thường được các tập đoàn đa quốc gia, công ty nước ngoài hoặc các công ty FDI sử dụng, với nguồn lực dồi dào, đội ngũ kế toán trình độ cao và sự hỗ trợ về quy trình và nguồn lực từ công ty mẹ hoặc công ty liên kết ở nước ngoài, máy móc hiện đại nên chi phí về sản xuất chung thường chiếm tỷ trọng khá cao.

Mô hình ABC sử dụng ma trận EAD là mô hình đặc biệt phù hợp đối với các doanh nghiệp dệt may vừa và nhỏ tại Việt Nam.Mô hình này phù hợp doanh nghiệp có danh mục sản phẩm dệt may không quá lớn, các nhà quản lý có đủ chuyên môn và kinh nghiệm có thể đưa ra các ước tính chính xác Mô hình này tương đối dễ áp dụng cho các doanh nghiệp dệt may vừa và nhỏ của Việt Nam mà không cần đầu tư lớn vào các hệ thống thu thập dữ liệu phức tạp và không cần tái cấu trúc doanh nghiệp.

Mô hình TDABC đơn giản hóa quy trình tính toán chi phí bằng cách phân bổ trực tiếp nguồn lực chi phí cho các đối tượng chi phí bằng cách sử dụng khung phân tích ngắn gọn hơn và chỉ yêu cầu hai ước tính. Các doanh nghiệp cần đảm bảo đáp ứng các điều kiện sau: Doanh nghiệp có tỷ lệ chi phí sản xuất chung cao trong tổng chi phí. Doanh nghiệp áp dụng mô hình sản xuất dựa trên năng suất, dẫn đến sự đa dạng về chủng loại sản phẩm, hoạt động và trung tâm chi phí. Sự đa dạng này vượt quá khả năng của hệ thống ABC truyền thống. Khả năng xây dựng một hệ thống hoạch định nguồn lực doanh nghiệp (ERP) toàn diện sẽ hỗ trợ rất nhiều cho việc áp dụng mô hình TDABC nên mô hình này khá khó thực hiện trong ngành dệt may Việt Nam và không nhiều doanh nghiệp có thể áp dụng được.

2.3. Đánh giá các nhân tố ảnh hưởng đến việc áp dụng mô hình ABC trong DNDMVN và phương pháp nghiên cứu

a. Nhân tố ảnh hưởng tới áp dụng mô hình ABC tại DNDMVN

Kết quả phỏng vấn chuyên gia, nghiên cứu các tài liệu và khảo sát cho thấy việc áp dụng mô hình ABC tại DNDMVN chịu tác động của các nhân tố như sau:

- Nhận thức của nhà quản lý: Theo Al-Omiri & Drury (2007) cho rằng tính hữu ích của thông tin chi phí là một trong những nhân tố đảm bảo sự thành công và duy trì triển khai kế toán ABC. Vai trò của nhà quản lý cấp cao trong việc triển khai kế toán ABC đã được nhiều tác giả nghiên cứu (Aldukhil, 2012; Madwe & cộng sự, 2020; Phạm & cộng sự, 2020). Chính vì thế, với sự giúp sức của nhà quản lý cấp cao thì tỷ lệ áp dụng thành công của kế toán ABC vào đơn vị sẽ tăng đáng kể (Brown & cộng sự, 2004; Madwe & cộng sự, 2020). Như vậy, những hiểu biết và quan tâm của nhà quản trị, đặc biệt là nhà quản trị cấp cao về lợi ích khi áp dụng ABC có ảnh hưởng tích cực đến việc áp dụng. Khảo sát trực tiếp tại các doanh nghiệp cũng chỉ ra tại các doanh nghiệp lớn như Phong Phú, May 10, May Đức Giang, An Phước… nhà quản trị cấp cao và kế toán tổng hợp cũng có những am hiểu nhất định về thuận lợi và khó khăn khi áp dụn ABC và đều có mong muốn phát huy hiệu quả hoạt động từ việc triển khai ABC một cách phù hợp.

- Trình độ nhân viên kế toán: ABC cần nhiều người giám sát chi phí hơn mô hình truyền thống, việc xác định chi phí thường phức tạp nên kế toán ABC đòi hỏi trình độ năng lực của nhân sự kế toán và người quản lý là rất cao. Kaplan & Anderson (2004) cho rằng lý do khác tạo ra trở ngại cho việc áp dụng và triển khai kế toán ABC thiếu các chuyên gia tư vấn và phát sinh chi phí rất cao trong việc thuê các chuyên gia tư vấn.

- Áp lực cạnh tranh và tuân thủ các tiêu chuẩn có liên quan: áp lực từ sự cạnh tranh với doanh nghiệp khác trong ngành, cạnh tranh với các

doanh nghiệp tại các quốc gia khác như Ấn Độ, Bawngladesh.... về hạ giá thành, tiết kiệm chi phí đã tạo nên một động lực khuyến khích các doanh nghiệp nên thực hiện kế toán ABC (Kaplan & Anderson, 2004; Pham & cộng sự, 2020). Theo yêu cầu của các khách hàng, sản phẩm dệt may phải tuân thủ các tiêu chí đánh giá của các tổ chức khác nhau như Cơ chế điều chỉnh carbon biên giới (CBAM), các quy tắc xuất xứ nghiêm ngặt, vấn đề xanh hóa trong sản xuất...).

- Quy trình sản xuất và quy mô doanh nghiệp của các doanh nghiệp dệt may: quy trình sản xuất có mối liên hệ với thu thập và xử lý dữ liệu (Cropper & Cook, 2000). Quy trình công nghệ sản xuất và mức độ tự động hóa của doanh nghiệp dệt may càng hiện đại thì việc áp dụng càng thuận lợi. Đồng thời việc triển khai và lựa chọn mô hình ABC cũng phụ thuộc rất nhiều vào quy mô doanh nghiệp.

- Nguồn lực công nghệ, chi phí và thời gian cho triển khai áp dụng: Thiết bị hiện đại có khả năng tích hợp công nghệ và chất lượng hệ thống thông tin cũng có tác động tương đối đáng kể đến việc áp dụng ABC. Bên cạnh đó, các phần mềm quản lý, phần mềm kế toán… cũng ảnh hưởng không nhỏ tới việc áp dụng, công nghệ càng tốt sẽ càng thuận lợi trong áp dụng. *Chi phí và thời gian triển khai* Áp dụng ABC đòi hỏi đầu tư về chi phí và thời gian, các DN cần xem xét, đánh giá chi phí và lợi ích của việc triển khai ABC trước khi quyết định áp dụng.

Áp dụng mô hình ABC chịu ảnh hưởng của cả nhân tố nội bộ (lãnh đạo, nhân sự, đặc điểm sản xuất) và nhân tố bên ngoài (áp lực cạnh tranh, quy định pháp lý) khiến ABC chưa thực sự được áp dụng rộng rãi. Việc đánh giá các nhân tố và tìm kiếm các giải pháp để hỗ trợ các DN trong áp dụng là rất cần thiết.

*b. M*ô hình *nghiên cứu*

Hình 1. Mô hình nghiên cứu đề xuất

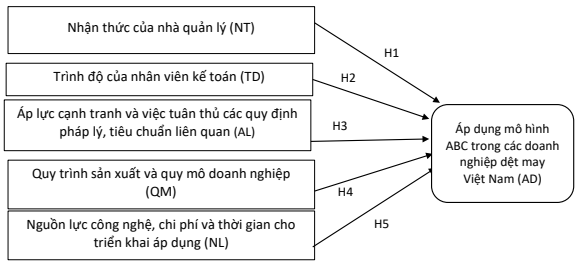

Nguồn do nhóm tác giả đề xuất

Các giả thuyết nghiên cứu:

Giả thuyết H1: Nhận thức của nhà quản lý (NT) có ảnh hưởng cùng chiều đến áp dụng mô hình ABC trong các DNDMVN (AD).

Giả thuyết H2: Trình độ của nhân viên kế toán (TD) có ảnh hưởng cùng chiều đến áp dụng mô hình ABC trong DNDMVN (AD).

Giả thuyết H3: Áp lực cạnh tranh và việc tuân thủ các quy định pháp lý, tiêu chuẩn liên quan (AL) có ảnh hưởng cùng chiều đến áp dụng mô hình ABC tại DNDMVN (AD).

Giả thuyết H4: Quy trình sản xuất và quy mô doanh nghiệp (QM) có ảnh hưởng cùng chiều đến áp dụng mô hình ABC trong các DNDMVN (AD).

Giả thuyết H5: Nguồn lực công nghệ, chi phí và thời gian cho triển khai áp dụng

có ảnh hưởng cùng chiều đến áp dụng mô hình ABC trong DNDMVN (AD).

c. Phương pháp nghiên cứu

Nhóm tác giả sử dụng phương pháp định lượng. Cụ thể, nhóm đã tiến hành khảo sát tại 150 doanh nghiệp dệt may Việt Nam có doanh thu từ xuất khẩu trên 5 tỷ đồng/ năm theo danh sách từ Cục Thống kê, tương ứng cũng thuộc danh sách phát triển bền vững của VITAS như May 10, Phong Phú, An Phước, Hòa Thọ, May Châu Á, May Đức Giang, May Sông Hồng... Kết quả khảo sát được thu thập trực tiếp là chủ yếu do đặc thù phức tạp và mang tính chuyên sâu khi tìm hiểu về mô hình ABC. Dữ liệu được làm sạch và xử lý theo phần mềm SPSS 25. Thời gian khảo sát từ tháng 06/2025-tháng 12/2025.

d. Kết quả và thảo luận

Kiểm định tính thích hợp và tương quan của mô hình phân tích

Nhóm nghiên cứu lần lượt chạy phân tích nhân tố khám phá cho các biến độc lập và biến phụ thuộc. Kết quả như sau*:*

Bảng 1: Kết quả kiểm định tính thích hợp và tương quan của mô hình phân tích EFA cho các nhân tố độc lập

KMO and Bartlett's Test		
Kaiser-Meyer-Olkin Measure of Sampling Adequacy.		.801
Bartlett's Test of Sphericity	Approx. Chi-Square	3513.175
	Df	150
	Sig.	.000

Nguồn: Kết quả phân tích dữ liệu từ SPSS

Thước đo KMO có giá trị là 0.801 thỏa mãn điều kiện: $0.5 \leq KMO \leq 1$; kết quả kiểm định Barlett's

với mức ý nghĩa Sig = 0.000 < 0.005. Như vậy, phân tích nhân tố EFA phù hợp với dữ liệu nghiên cứu.

Kiểm định mức độ giải thích của mô hình

Bảng 2: Kiểm định mức độ giải thích của mô hình

Model Summary[b]					
Model	R	R Square	Adjusted R Square	Std. Error of the Estimate	Durbin-Watson
1	.719[a]	.635	.608	.54041	1.857

a. Predictors: (Constant), NT,TD, AL, QM, NL

b. Dependent Variable: AD

Nguồn: Kết quả phân tích dữ liệu từ SPSS

Bảng trên đánh giá độ phù hợp của mô hình hồi quy đa biến, hệ số R bình phương hiệu chỉnh (Adjusted R Square) là 0.608. Nghĩa là 60.8% biến thiên của biến phụ thuộc ERP được giải thích bởi 5 biến độc lập, còn lại 39.2% là do các biên ngoài mô hình và sai số ngẫu nhiên. Điều này cho thấy mô hình hồi quy tuyến tính này phù hợp với tập dữ liệu của mẫu ở mức 60.8%. Kiểm định tương quan chuỗi bậc nhất (Durbin Watson): Hệ số Durbin Watson 1.857 cho thấy không tương quan chuỗi bậc nhất (nằm trong khoảng từ 1 đến 3). Như vậy mô hình hồi quy đa biến thỏa mãn các điều kiện đánh giá và kiểm định độ phù hợp của các kết quả nghiên cứu.

Kết quả hồi quy

Bảng 3: Bảng hệ số hồi quy

Coefficients[a]						
Model		Unstandardized Coefficients		Standardized Coefficients	T	Sig.
		B	Std. Error	Beta		
1	(Constant)	-1.002	.270		-3.717	.000
	NT	.320	.034	.481	6.474	.000
	TD	.259	.039	.289	6.590	.000
	AL	.251	.032	.341	7.838	.000
	QM	.276	.040	.344	7.823	.000
	NL	.311	.035	.294	6.604	.000

Bảng 3 cho thấy kiểm định các giả thuyết sử dụng phần mềm SPSS: các giá trị ở cột Sig. đều < 5% chứng tỏ 5 biến độc lập đều tác động có ý nghĩa thống kê đến biến phụ thuộc. Nghĩa là cả 5 giả thiết đều được chấp nhận. Nhân tố NT là nhân tố có hệ số lớn nhất, đồng nghĩa với việc nó có mức độ ảnh hưởng cao nhất trong mô hình nghiên cứu. Sau đó đến các nhân tố QM, NL, AL và TD.

Kết quả phân tích hồi quy cho thấy mối quan hệ giữa biến phụ thuộc việc áp dụng mô hình ABC trong doanh nghiệp dệt may Việt Nam và 5 biến độc lập được thể hiện trong phương trình hồi quy sau:

AD = - 1.002 + 0.481 x NT + 0.289 x TD + 0.341 x AL + 0.344 x QM + 0.294 x NL

Kết quả phân tích hồi quy chứng minh các giả thuyết H1, H2, H3, H4, H5 đã được chấp nhận và được kiểm định phù hợp.

Dựa trên kết quả, các tác giả có định hướng đề đề xuất giải pháp để nâng cao hiệu quả áp dụng mô hình ABC trong các doanh nghiệp dệt may Việt Nam nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động, giảm chi phí, hạ giá thành và hướng tới số hóa và xanh hóa như tăng cường nhận thức và sự hiểu biết của nhà quản lý cấp cao, hoàn thiện quy trình sản xuất theo hướng số hóa tích hợp công nghệ mới, nâng cao chất lượng đáp ứng yêu cầu khách hàng và tiêu chuẩn xanh hóa, đầu tư nguồn lực thích hợp cho áp dụng ABC, nâng cao trình độ của kế toán trong cách doanh nghiệp, đặc biệt là trình độ về kế toán quản trị.

Kết luận

Việc triển khai mô hình kế toán chi phí mới sẽ đòi hỏi đầu tư về thời gian và tiền bạc, cũng như những thay đổi về cách thức làm việc, sự chấp nhận của nhân viên, đầu tư vào phần mềm và phần cứng, thiết bị thu thập dữ liệu... Trong bối cảnh kinh tế trong nước và toàn cầu hiện nay, việc áp dụng ABC trong các doanh nghiệp dệt may Việt Nam là cần thiết và nên được thực hiện sớm nếu muốn ổn định, giữ chân khách hàng, nâng cao hiệu quả hoạt động. Mặc dù lợi ích của ABC đã được chứng minh trong một số doanh nghiệp dệt may như việc áp dụng ABC tại doanh nghiệp dệt may Việt Nam vẫn đòi hỏi nhiều thông tin, dữ liệu, nguồn lực kỹ thuật và tài chính cụ thể hơn và sự hiểu biết thấu đáo về phương pháp luận. Việc áp dụng ABC cũng cần dựa trên phân tích chi phí - lợi ích của mô hình.

Tài liệu tham khảo:

Al-Omiri, M. (2003), 'The diffusion of management accounting innovations: a study of the factors influencing the adoption, implementation levels and success of ABC', Doctoral thesis, University of Huddersfield.

Bjørnenak, T. & Mitchell, F. (2002), 'The Development of Activity Based Costing Journal Literature, 1987-2000', The European Accounting Review, 11(3), 481-508, DOI:10.1080/0963818022000001019.

Cooper, R. (1987). Does Your Company Need a New Costing System?, Journal of Cost Management (Spring), 2(1), 45-49.

Cooper and R. S. Kaplan (1988). How Cost Accounting Distorts Product Costs, Management Accounting, 69(10), 20-27 5.

Krumwiede and Roth (1996), Empirical Survey of Factors Affecting the Adoption and Application of Activity-Based Costing, Doctoral Thesis.

Nguyễn Thị Minh Đức và cộng sự (2022), Phương pháp tính chi phí theo hoạt động - Vận dụng cho các doanh nghiệp dệt may, Tạp chí Kinh tế và Dự báo.

Valentina Gecevska and Zoran Anisic (2006). Using Activity-Based Costing (ABC) in Small and Medium-Sized Enterprises, Hunedoara Faculty of Engineering Proceedings, Volume IV.